

BỘ CÔNG THƯƠNG

**HỒ SƠ
NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

Số Hợp đồng: .2021.CNKK.QG/HĐKHCHN

**Tên nhiệm vụ: NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ THU HỒI
COBAN VÀ NIKEN KIM LOẠI TỪ Bùn THẢI
CỦA QUÁ TRÌNH TUYỂN QUẶNG CROMIT
CỎ ĐỊNH, THANH HÓA**

Cơ quan chủ trì: **Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất**
Cơ quan chủ quản: **Trường Đại học Mở-Địa chất**
Chủ nhiệm nhiệm vụ: **PGS.TS. Lê Tiến Dũng**

Hồ sơ bao gồm:

1. Hợp đồng nhiệm vụ.
2. Thuyết minh nhiệm vụ.
3. Quyết định số 196/QĐ-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia năm 2021.
4. Các Hồ sơ khác có liên quan.

Hà Nội, năm 2021

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

Số: .2021.CNKK.QG/HĐKHCHN

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCHN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCHN ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCHN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCHN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2021 tham gia "Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025" thực hiện Đề án "Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành công nghiệp khoáng sản đến năm 2025";

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Bộ Công Thương

1.1. Vụ Khoa học và Công nghệ - Đại diện cơ quan đặt hàng

- Đại diện là ông: Đào Trọng Cường

- Chức vụ: Phó Vụ trưởng
- Địa chỉ: Số 54, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 22202316

1.2. Văn phòng Bộ Công Thương – Chủ Tài khoản

- Đại diện là ông: Phùng Mạnh Ngọc
- Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng
- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024 22202222 Fax: 024 22202525
- Số tài khoản: 9527/9523.1.1053956 tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội
- Mã QHNS: 1053956

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):

2.1. Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất

- Đại diện là ông: Tô Xuân Bản
- Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm
- Địa chỉ: Phòng B1-2, nhà B, trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 04.7523043 Fax: 04.7523043
- Số tài khoản: 3713.0.9082023 tại Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm
- Mã QHNS: 9082023
- Giấy ủy quyền: Số 26/TT-TKCNKC ngày 26/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất

2.2. Chủ nhiệm đề tài

- Họ và tên: Lê Tiến Dũng
- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm
- Ngày, tháng, năm sinh: 18/06/1955
- Học hàm, học vị: Phó giáo sư, tiến sĩ
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Địa chất
- Điện thoại: 0978731955, Email: letiendung1955@gmail.com

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ “*Nghiên cứu công nghệ thu hồi coban và niken kim loại từ bùn thải của quá trình tuyển quặng cromit Cổ Định, Thanh Hóa*” theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ kèm theo Hợp đồng này (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 24 tháng, từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 12 năm 2022.

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ được thực hiện theo hình thức khoán chi từng phần.

2. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là: 7.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy tỷ đồng), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 5.500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).

+ Kinh phí khoán: 4.950.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

+ Kinh phí không khoán: 550.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Kinh phí nguồn tự có của tổ chức: 0 VNĐ (Bằng chữ: Không đồng).

- Kinh phí từ nguồn khác: 1.500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Tiến độ cấp kinh phí:

- Tạm ứng lần đầu không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt từ ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước năm được cấp có thẩm quyền giao.

- Những lần tạm ứng/ thanh toán tiếp theo được thực hiện theo khối lượng công việc đã thực hiện hoặc theo đề nghị của đơn vị nhưng vẫn theo quy định của chế độ.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện

nhiệm vụ của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của nhiệm vụ và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ;

c) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

d) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện nhiệm vụ;

đ) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

e) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và

thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

g) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

h) Xây dựng kế hoạch đầu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

i) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kinh phí được cấp cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã ký kết; chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật; thanh toán kinh phí đã tạm ứng các đợt trước, để nhận kinh phí tạm ứng của đợt tiếp theo;

l) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc nhiệm vụ. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

m) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

n) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

o) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

p) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

q) Công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

r) Chủ nhiệm nhiệm vụ cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong nhiệm vụ và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

s) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ;

t) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

u) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu theo đúng quy định.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” và không được Bộ Công Thương cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện kết quả thì việc xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của

Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị đình chỉ thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ đề đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật thì việc xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức Bên B phải hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách đã sử dụng (đối với Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được khoán chi một phần).

4. Đối với nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ (gồm tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ và tài sản là kết quả của nhiệm vụ) (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước, nhà nước thực hiện quyền sở hữu đối với phần tài sản hình thành tương ứng với tỷ lệ vốn đóng góp của nhà nước trong tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Tài sản hình thành là tài sản đồng sở hữu giữa nhà nước và các bên góp vốn; hình thức xử lý tài sản đồng sở hữu được quy định tại Điều 19 và khoản 2, Điều 22, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; trình tự, thủ tục được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Nhiệm vụ.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng gồm 18 trang bao gồm cả phụ lục được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 4 bản.

Đại diện Bên A
TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đào Trọng Cường

Đại diện Bên B
TRUNG TÂM TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tô Xuân Bản

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Phùng Mạnh Ngọc

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

Lê Tiến Dũng

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài: Nghiên cứu công nghệ thu hồi coban và niken kim loại từ bùn thải của quá trình tuyển quặng cromit Cổ Định, Thanh Hóa	1a	Mã số:
2	Thời gian thực hiện: 24 tháng (Từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2022)	3	Cấp quản lý Quốc gia <input checked="" type="checkbox"/>
4	Tổng kinh phí thực hiện: 7.000 triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước	5.500	
	- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	1.500	
5	Đề nghị phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input checked="" type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán: 4.950 triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán: 550 triệu đồng	
6	<input checked="" type="checkbox"/> Thuộc Chương trình “Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025” <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác		
7	Lĩnh vực khoa học <input type="checkbox"/> Tự nhiên; <input type="checkbox"/> Nông nghiệp; <input checked="" type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ; <input type="checkbox"/> Y, dược.		
8	Chủ nhiệm đề tài Họ và tên: Lê Tiến Dũng Ngày, tháng, năm sinh: 18/06/1955 Giới tính: Nam <input checked="" type="checkbox"/> / Nữ: <input type="checkbox"/> Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: PGS.TS Địa chất Chức danh khoa học: Nghiên cứu viên cao cấp Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất Điện thoại: 024 37523043 Tổ chức: 024 37523043; Mobile: 0904106034/ 024 37523043 Fax: 024 37523043; E-mail: letiendung@humg.edu.vn		

Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Địa chỉ tổ chức: Tầng 1, Nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

9 Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên: Tô Xuân Bản

Ngày, tháng, năm sinh: 19/05/1979; Nam/ Nữ: Nam

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ địa chất

Chức danh khoa học: Nghiên cứu viên chính

Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất

Điện thoại: 024 37523043

Tổ chức: 024 37523043; Mobile: 0868836509

Fax: 024 37523043; E-mail: toxuanban@humg.edu.vn

Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Địa chỉ tổ chức: Tầng 1, Nhà B, Đại học Mỏ-Địa chất, trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

10 Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài: Trung tâm Triển khai Công nghệ Khoáng chất

Điện thoại: 024 37523043 Fax: 024 37523043

Website: www.humg.edu.vn

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà B, trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Lê Tiến Dũng.

Số tài khoản: 3713.0.9082023

Kho bạc nhà nước: Nam Từ Liêm

Tên cơ quan chủ quản đề tài: Bộ Công Thương

11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài:

1. Tổ chức 1 :

Tên cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 6552 198; Fax: 0208 6552 198

Địa chỉ: Xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Nguyễn Hữu Hiền

Số tài khoản: 390.10.00.0966150

Ngân hàng: BIDV Thái Nguyên

12	Cán bộ thực hiện đề tài		
T T	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài	Tổ chức công tác
1	PGS.TS Lê Tiến Dũng	Chủ nhiệm	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
2	TS. Tô Xuân Bản	Thư ký khoa học	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
3	PGS.TS Nguyễn Khắc Giảng	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
4	TS. Trần Trung Tới	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
5	PGS.TS Phạm Xuân Núi	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
6	ThS Trần Văn Đức	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
7	TS. Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
8	ThS. Phạm Thị Vân Anh	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
9	PGS.TS Phạm Văn Luận	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
10	TS. Phạm Trung Kiên	Thành viên thực hiện chính	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13	Mục tiêu của đề tài - Xác lập được quy trình công nghệ tuyển và chế biến hợp lý thu hồi coban, niken kim loại trong bùn thải của quá trình tuyển quặng cromit Cổ Định, Thanh Hóa. - Xây dựng được hệ thiết bị tuyển và chế biến phù hợp để xử lý bùn thải của quá trình tuyển quặng cromit Cổ Định, Thanh Hóa thu hồi coban, niken kim loại.
14	Tình trạng đề tài <input checked="" type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
15	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài 15.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài 15.1.1. Ngoài nước 15.1.1.1. Tổng quan về kim loại coban và niken, các lĩnh vực sử dụng Coban (Coban-Co): Coban (Co) được xếp vào nhóm VIII của bảng tuần hoàn; là nguyên tố kim loại màu